

Số:605 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 24 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1
Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang. Cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung

Tại điểm a Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ về quy định: *“Trường hợp mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của địa phương thay đổi hoặc có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh khiến cân đối ngân sách của địa phương, khả năng huy động các nguồn vốn có đột biến lớn, UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh, báo cáo Thường trực HĐND cho ý kiến, rồi gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho ý kiến trước khi trình HĐND cùng cấp quyết định cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm điều chỉnh kế hoạch”*.

Ngày 10/8/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 19/NQ-HĐND về việc quyết định chủ trương phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 – 2025, trong đó dự kiến khối lượng phát hành trái phiếu chính quyền tỉnh Bắc Giang năm giai đoạn 2022 - 2025 là 700.000 triệu đồng. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Nghị quyết số 42/NQ-HĐND) không lập kế hoạch phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trong kế hoạch vay và trả nợ ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 05 năm 2021 – 2025.

Mặt khác, tại Công văn số 346/UBND - TH ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc dự kiến nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2021- 2025 gửi Bộ Tài chính, trong đó có 04 dự án chuyển tiếp đang thực hiện giải ngân vốn vay lại; 02 dự án đề xuất mới triển khai thực hiện vay lại của Chính phủ¹; giảm 10 dự án vay lại từ nguồn vay Chính phủ vay nước ngoài, 04 dự án tăng mức vay và 01 dự án giảm mức vay so với Nghị quyết số 42/NQ-HĐND.

Ngoài ra tại thời điểm sửa đổi, bổ sung Nghị quyết, một số khoản thu ngân sách trên địa bàn tỉnh có sự thay đổi tăng như: thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu,...nên cần thiết phải sửa đổi, bổ sung số liệu thu, chi NSNN

¹ Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Giang; Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

giai đoạn 2021 - 2025 để phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Cụ thể: thu cân đối NSNN trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh tăng 18.496 tỷ đồng so với tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND, trong đó thu nội địa tăng 16.046 tỷ đồng (thu tiền sử dụng đất tăng 13.030 tỷ đồng; thu xổ số kiến thiết tăng 3 tỷ đồng; thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế tăng 11 tỷ đồng; thu nội địa trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế tăng 2.986 tỷ đồng); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng 2.450 tỷ đồng. Chi ngân sách địa phương điều chỉnh tăng 17.304 tỷ đồng so với tổng chi ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND.

Do vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang về kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm 2021- 2025 tỉnh Bắc Giang đảm bảo phù hợp với thực tế giai đoạn 2021-2025 và đúng theo quy định pháp luật.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung

2.1. Sửa đổi Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND. Cụ thể:

a) Sửa đổi điểm 2.1 Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND

Tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND, mục tiêu cụ thể: "Phần đầu tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn cả giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 51.609 tỷ đồng, tăng khoảng 1,19 lần so với giai đoạn 2016 - 2020; tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 85 - 88% tổng thu ngân sách nhà nước".

Đề nghị sửa đổi: "Phần đầu tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn cả giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 70.105 tỷ đồng, tăng khoảng 1,54 lần so với giai đoạn 2016 - 2020; tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 88% tổng thu ngân sách nhà nước".

Lý do: Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết, xác định lại số liệu thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 để phù hợp với tình hình thực tiễn, vì vậy tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 thay đổi.

b) Sửa đổi điểm 2.2 Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND

Tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND, mục tiêu cụ thể: "Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Theo đó, tổng chi cân đối ngân sách địa phương cả giai đoạn 2021-2025 khoảng 85.564 tỷ đồng, trong đó: chi đầu tư phát triển là 32.108 tỷ đồng; chi thường xuyên là 51.418 tỷ đồng; các khoản chi khác 2.038 tỷ đồng".

Đề nghị sửa đổi: "Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Theo đó, tổng chi cân đối ngân sách địa phương cả giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 102.868 tỷ đồng, trong đó: chi đầu tư phát triển là 44.101 tỷ đồng; chi thường xuyên là 55.018 tỷ đồng; các khoản chi khác 3.749 tỷ đồng".

Lý do: Do điều chỉnh tăng số thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2021-2025.

c) Sửa đổi điểm 2.3 Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND

Tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND, mục tiêu cụ thể: “Bội chi ngân sách địa phương khoảng 1.156 tỷ đồng”.

Đề nghị sửa đổi: “Bội chi ngân sách địa phương khoảng 720 tỷ đồng.”

Lý do: Điều chỉnh lại số liệu thu, chi NSNN; điều chỉnh lại các dự án vay và trả nợ vay ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

2.2. Sửa đổi, bổ sung biểu số 02 kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 05 năm 2021 - 2025, biểu số 03 Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 05 năm 2021 - 2025

a) Sửa đổi tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn và số liệu tại biểu số 02 kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 05 năm 2021-2025

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 2021-2025 tại NQ số 42/NQ-HĐND	Kế hoạch tài chính-ngân sách giai đoạn 2021- 2025 đề nghị điều chỉnh
A	Tổng sản phẩm trong nước (GRDP) theo giá hiện hành	1.009.646	1.012.969
B	Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn	51.609	70.105
I	Thu nội địa	45.648	61.694
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	16.390	29.420
C	Tổng thu NSDP	84.414	102.148
I	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	43.510	59.472
D	Tổng chi NSDP	85.564	102.868
I	Chi đầu tư phát triển	32.108	44.101
II	Chi thường xuyên	51.418	55.018
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	92	142
E	Bội thu NSDP	6	220
G	Bội chi NSDP	1.156	940
H	Tổng mức vay, trả nợ của NSDP		
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP	8.924	11.894
II	Mức dư nợ đầu kỳ	3.226	3.441
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ	167	475
IV	Tổng mức vay trong kỳ	1.315	1.196
V	Mức dư nợ cuối kỳ	4.374	4.161

Lý do: Điều chỉnh lại số liệu thu, chi NSNN; điều chỉnh các dự án vay, trả nợ vay ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và phát hành trái phiếu chính quyền địa phương 700 tỷ đồng.

b) Giảm 10 dự án trong danh mục vay lại từ nguồn của Chính phủ vay nước ngoài trong biểu số 03 Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 05 năm 2021-2025

kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 2021-2025 tại NQ số 42/NQ-HĐND	Kế hoạch tài chính- ngân sách giai đoạn 2021- 2025 đề nghị điều chỉnh	Lý do
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng theo hướng quản lý nước hiệu quả phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nông thôn - Dự án KEXIM2	258,4	0	Do hiện nay chưa được Trung ương chấp thuận cho dự án này nên không đủ điều kiện đưa vào KH trung hạn 2021-2025 theo HD tại CV 419/TTg-KTTH, 02/4/2021
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp hồ chứa, trạm bơm và kênh mương thuộc Hệ thống thủy lợi Cầu Sơn	48,8	0	
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và kênh mương thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cầu	54,8	0	
4	Quản lý tổng hợp rủi ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bắc Giang ADB10	317,2	0	
5	Dự án Đầu tư xây dựng Hồ chứa nước thôn Chả, xã Phong Vân, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	32,4	0	
6	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025	170	0	
7	Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	21,6	0	
8	Đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Ung bướu và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	43,6	0	
9	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho BVĐK tỉnh	102	0	
10	Dự án Nâng cao năng lực đào tạo nghề của Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt – Hàn	12,4	0	
Cộng		1.061,2	0	

b) Tăng 02 dự án trong biểu 03 Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 05 năm 2021- 2025:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 2021-2025 tại NQ số 42/NQ-HĐND	Kế hoạch tài chính-ngân sách giai đoạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh	Lý do
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sử dụng từ nguồn Trái phiếu chính quyền địa phương	0	700	Thuộc dự án quan trọng, cấp bách cần thiết phải triển khai thực hiện
2	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang sử dụng từ nguồn vay lại của Chính phủ vay nước ngoài	0	140,081	Thuộc dự án cần thiết phải triển khai thực hiện
Cộng		0	840,081	

c) Điều chỉnh mức vay lại (tăng, giảm) của 05 Dự án trong biểu 03 Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 05 năm 2021-2025

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 2021-2025 tại NQ số 42/NQ-HĐND	Kế hoạch tài chính-ngân sách giai đoạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh	Lý do
1	Dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2	56,430	120,800	Trước BTC cho vay theo nguyên tắc 80% cấp phát, 20% vay lại. Tuy nhiên, vốn dư của DA vay theo quy định mức vay lại 40%, vốn cấp phát 60% dẫn đến nợ tăng
2	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	3,725	2,218	TMĐT không tăng nhưng do nhu cầu không sử dụng không hết so với tổng mức đầu tư, nên vay theo thực tế sử dụng
3	Tiểu Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	4,970	7,749	Do chủ đầu tư thực hiện không hết vốn Kế hoạch trung hạn 2016-2020, chuyển vốn chưa thực hiện sang năm 2021-2022 nên vốn vay lại cũng điều chỉnh theo
4	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang	5,500	8,700	Dự án không đáp ứng được tiến độ, Bộ TN&MT có Công văn số 5234/BTNMT-KHTC ngày 25/8/2021 gửi Bộ KH&ĐT và BTC đề nghị kéo dài thời gian đến 6/2023. Do đó, chuyển vốn giai

				đoạn 2016-2020 chưa thực hiện sang giai đoạn 2021-2025
5	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Giang	183,600	216,000	Tại thời điểm lập Kế hoạch tài chính ngân sách, do khảo sát ban đầu TMĐT thấp nhưng qua rà soát thẩm định thẩm định chủ trương đầu tư thì kinh phí dự án tăng nên số vay nợ tăng
Cộng		254,225	355,467	

d) Số liệu đề nghị sửa đổi, bổ sung biểu số 03 Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 05 năm 2021- 2025 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch tài chính-ngân sách giai đoạn 2021-2025 tại NQ số 42/NQ-HĐND	Kế hoạch tài chính-ngân sách giai đoạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh
A	Mức dư nợ vay tối đa của NSDP	8.924	11.894
B	Bội chi ngân sách địa phương	1.148	720
C	Kế hoạch vay, trả nợ gốc		
I	Tổng dư nợ đầu kỳ	3.226	3.441
II	Trả nợ gốc vay trong kỳ	167	475
III	Tổng mức vay trong kỳ	1.315	1.196
IV	Tổng dư nợ cuối kỳ	4.374	4.161
D	Trả nợ lãi, phí trong kỳ	92	142

Trên đây là nội dung Tờ trình Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Kèm theo Tờ trình: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; (3) Công văn số 11945/BTC-NSNN ngày 19/10/2021 của Bộ Tài chính; (4) công văn số 6850/BKHĐT-TCTT ngày 08/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (5) Biểu số 01, Biểu số 02)

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp, HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐEBQH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.Hai.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thế Tuấn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 05

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang khóa XIX, kỳ họp thứ 02 Về việc quyết định chủ trương phát hành trái phiếu chính quyền địa phương của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2025;

Xét Tờ trình số 605/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang. Cụ thể như sau:

1. Sửa đổi điểm 2.1, khoản 2 Điều 1 như sau:

"2.1. Phân đầu tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn cả giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 70.105 tỷ đồng, tăng khoảng 1,54 lần so với giai đoạn 2016 - 2020; tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 88% tổng thu ngân sách nhà nước".

2. Sửa đổi điểm 2.2, khoản 2 Điều 1 như sau:

"2.2. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Theo đó, tổng chi cân đối ngân sách địa phương cả giai đoạn 2021-2025 khoảng 102.868 tỷ đồng, trong đó: chi đầu tư phát triển là 44.101 tỷ đồng; chi thường xuyên là 55.018 tỷ đồng; các khoản chi khác 3.749 tỷ đồng".

3. Sửa đổi điểm 2.3, khoản 2 Điều 1 như sau:

"2.3. Bội chi ngân sách địa phương khoảng 720 tỷ đồng".

(Có biểu chi tiết số 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

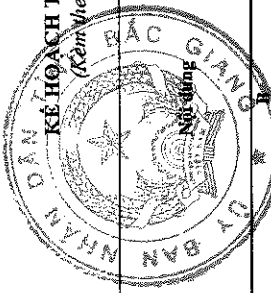
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 05 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT - XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH**Lê Thị Thu Hồng**

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)



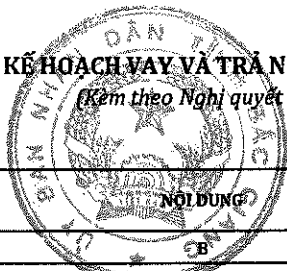
Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Kế hoạch tình giao giai đoạn 2016 - 2020	Thực hiện giai đoạn trước					Tổng kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
		Tổng giai đoạn 2016-2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020
A	1	2	3	4	5	6	7	8
A	TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH	128.609	66.874	75.989	90.381	105.515	123.604	1.012.969
B	TỔNG THU CÁN ĐỐI NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	31.851	5.108	6.369	9.549	11.060	10.584	70.105
	Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)	0,20						0,13
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)	9,84	7,64	8,38	10,56	10,48	8,56	6,92
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)	13,16	4,12	3,80	4,07	4,36	4,39	3,17
I	Thu nội địa	26.651	4.268	5.377	8.639	10.869	11.080	61.694
	Tốc độ tăng thu (%)	0,27						0,14
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	83,6	83,6	84,4	90,5	98,3	104,7	88,0
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	9.617	1.809	2.461	4.921	6.234	5.624	29.420
	Thu xổ số kiến thiết	116	21	23	29	27	27	140
	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	22		3	8	4	7	26
	Thu nội địa trừ thu tiền sử dụng đất, thu XKSKT, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	16.919	2.438	2.890	3.681	4.604	5.422	32.108
	Tốc độ tăng thu (%)	0,216						0,17
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	53,1	41,8	45,4	38,6	41,6	51,2	45,8
II	Thu từ dân thờ (nếu có)							0,06
	Tốc độ tăng thu (%)	0,06						
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)							
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)	5.210	840	992	910	1.188	1.333	8.411
	Tốc độ tăng thu (%)	0,12						0,14
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	16,4	16,4	15,6	9,5	10,7	12,6	12,0
IV	Thu viện trợ (nếu có)	0						
	Tốc độ tăng thu (%)	0						
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	0						
C	TỔNG THU NSDP	64.414	12.182	14.566	19.801	23.831	24.808	102.148
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)	0,19						0,10
	Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)	20,6	18,2	19,2	21,9	22,6	20,1	10,1
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	25.704	4.133	5.281	8.494	10.528	10.715	59.472
	Tốc độ tăng (%)	0,27						0,13
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	39,9	33,9	36,3	42,9	44,2	43,2	58,2
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	38.668	6.399	7.639	8.969	8.537	8.627	42.676
	Tốc độ tăng (%)	0,08						0,01

STT	Nội dung	Kế hoạch tình giáo giai đoạn 2016 - 2020	Tổng giá đoạn 2016- 2020	Thực hiện giai đoạn trước						Tổng kế hoạch giai đoạn 2021- 2025
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	60,0	42,2	52,5	52,4	45,3	35,8	34,8	41,8	
-	Thu bù sung cân đối ngân sách	28.697	29.971	4.419	6.282	6.305	6.429	6.536	34.412	
-	Thu bù sung có mục tiêu	9.971	10.192	1.971	1.357	2.664	2.108	2.091	8.264	
D	TỔNG CHI NSDP	64.017	93.914	12.093	14.188	19.326	23.613	24.694	102.868	
	Tốc độ tăng chi NSDP (%)		0,20						0,07	
	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)		20,3	18,1	18,7	21,4	22,4	20,0	10,2	
I	Chi đầu tư phát triển	16.669	25.950	2.892	3.513	4.994	7.012	7.539	44.101	
	Tốc độ tăng (%)		0,27						0,12	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		28	24	25	26	30	31	42,9	
II	Chi thường xuyên	43.876	47.871	7.261	8.485	9.662	11.370	11.093	55.018	
	Tốc độ tăng (%)		0,11						0,04	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		51	60	60	50	48	45	53,5	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5	10	2	3	2	2	1	142	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		0,01	0,02	0,02	0,01	0,01	0,00	0,14	
IV	Chi cải cách tiền lương	0	0	0	0	0	0	0	1.815	
E	BỘ THU NSDP	495	133	133	154	132	58	18	220	
G	BỘ CHI NSDP	0	0	0	0	0	0	0	940	
H	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP	0	0	0	0	0	0	0	0	
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP	7.873	886	1.056	1.666	2.106	2.159	11.894	3.441	
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)	2.756	848	706	518	372	313	313	3.441	
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)	35,0	95,7	66,8	31,1	17,6	14,5	28,9	28,9	
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)	0,60	1,27	0,93	0,57	0,35	0,25	0,34	0,34	
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)	499	678	166	195	160	88	69	475	
	Từ nguồn vay để trả nợ gốc		114	18	8	7	30	51	256	
-	Từ nguồn bội thu NSDP, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh		495	133	154	132	58	18	6	
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)	99	18	8	13	13	30	30	1.196	
-	Vay để bù đắp bội chi		0						940	
-	Vay để trả nợ gốc		99	18	8	13	30	30	256	
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)	2.182	706	518	372	313	274	4.161	4.161	
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)	27,7	79,6	49,0	22,3	14,9	12,7	35,0	35,0	
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)	0	0	0	0	0	0	0	0	

Biểu số 02

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ KIẾN NĂM 2021	DỰ KIẾN NĂM 2022	DỰ KIẾN NĂM 2023	DỰ KIẾN NĂM 2024	DỰ KIẾN NĂM 2025	GIAI ĐOẠN 2021-2025
A	B	1	2	3	4	5	6
A	MỨC DỰ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSĐP	1.717.920	2.431.480	2.386.440	2.571.260	2.787.380	11.894.480
B	BỘI THU/BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						
1	BỘI THU	15.999				203.355	219.354
2	BỘI CHI		350.753	491.364	97.564		939.680
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC						-
I	Tổng dư nợ đầu năm	274.472	258.473	609.225	1.100.589	1.198.153	3.440.912
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	16,0	10,6	25,5	42,8	43,0	138
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	300.000	700.000	700.000	1.700.000
	<i>Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang</i>			<i>300.000</i>	<i>700.000</i>	<i>700.000</i>	<i>1.700.000</i>
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	255.472	258.473	309.225	400.589	498.153	1.721.912
	<i>1- DA năng lượng nông thôn II</i>	<i>174.675</i>	<i>153.909</i>	<i>133.144</i>	<i>112.378</i>	<i>91.613</i>	<i>665.719</i>
	<i>2- DA phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2</i>	<i>63.710</i>	<i>80.058</i>	<i>148.431</i>	<i>161.604</i>	<i>153.977</i>	<i>607.778</i>
	<i>3- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả</i>	<i>12.680</i>	<i>13.635</i>	<i>12.907</i>	<i>11.769</i>	<i>10.631</i>	<i>61.620</i>
	<i>4- Tiểu Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập</i>	<i>3.762</i>	<i>7.972</i>	<i>9.739</i>	<i>8.727</i>	<i>7.715</i>	<i>37.917</i>
	<i>5- Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang</i>	<i>646</i>	<i>2.899</i>	<i>5.005</i>	<i>7.111</i>	<i>6.217</i>	<i>21.877</i>
	<i>6- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Giang</i>				<i>54.000</i>	<i>138.000</i>	<i>192.000</i>
	<i>7- Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang</i>				<i>45.000</i>	<i>90.000</i>	<i>135.000</i>
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	19.000	-	-	-	-	19.000
II	Trả nợ gốc vay trong năm	49.477	31.436	31.436	31.436	331.436	475.223
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay	49.477	31.436	31.436	31.436	331.436	475.223
1.1	- Trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	-	-	300.000	300.000
	<i>Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang</i>					<i>300.000</i>	<i>300.000</i>
1.2	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	30.477	31.436	31.436	31.436	31.436	156.223
	<i>1- DA năng lượng nông thôn II</i>	<i>20.765</i>	<i>20.765</i>	<i>20.765</i>	<i>20.765</i>	<i>20.765</i>	<i>103.827</i>
	<i>2- DA phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2</i>	<i>7.652</i>	<i>7.627</i>	<i>7.627</i>	<i>7.627</i>	<i>7.627</i>	<i>38.160</i>
	<i>3- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả</i>	<i>853</i>	<i>1.138</i>	<i>1.138</i>	<i>1.138</i>	<i>1.138</i>	<i>5.405</i>
	<i>4- Tiểu Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập</i>	<i>759</i>	<i>1.012</i>	<i>1.012</i>	<i>1.012</i>	<i>1.012</i>	<i>4.807</i>
	<i>5- Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang</i>	<i>447</i>	<i>894</i>	<i>894</i>	<i>894</i>	<i>894</i>	<i>4.023</i>
	<i>6- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Giang</i>						
	<i>7- Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang</i>						
1.3	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	19.000	-	-	-	-	19.000
2	Nguồn trả nợ	49.477	31.436	31.436	31.436	331.436	475.222
	- Từ nguồn vay	33.478	31.436	31.436	31.436	128.081	255.868
	- Bội thu ngân sách địa phương	15.999				203.355	219.354
	- Tăng thu, tiết kiệm chi	-	-	-	-	-	-
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-
III	Tổng mức vay trong năm	33.478	382.189	522.800	129.000	128.081	1.195.548
1	Theo mục đích vay	33.478	382.189	522.800	129.000	128.081	1.195.548
	- Vay bù đắp bội chi		350.753	491.364	97.564	-	939.680
	- Vay trả nợ gốc	33.478	31.436	31.436	31.436	128.081	255.868

STT	NỘI DUNG	DỰ KIẾN NĂM 2021	DỰ KIẾN NĂM 2022	DỰ KIẾN NĂM 2023	DỰ KIẾN NĂM 2024	DỰ KIẾN NĂM 2025	GIẢI ĐOẠN 2021-2025
2	Theo nguồn vay	33.478	382.189	522.800	129.000	128.081	1.195.548
2.1	- Trái phiếu chính quyền địa phương	-	300.000	400.000	-	-	700.000
	<i>Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đông Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang</i>		300.000	400.000	-	-	700.000
2.2	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	33.478	82.189	122.800	129.000	128.081	495.548
	<i>1- DA năng lượng nông thôn II</i>	-	-	-	-	-	-
	<i>2- DA phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2</i>	24.000	76.000	20.800	-	-	120.800
	<i>3- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả</i>	1.808	410	-	-	-	2.218
	<i>4- Tiểu Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập</i>	4.970	2.779	-	-	-	7.749
	<i>5- Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang</i>	2.700	3.000	3.000	-	-	8.700
	<i>6- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Giang</i>	-	-	54.000	84.000	78.000	216.000
	<i>7- Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang</i>	-	-	45.000	45.000	50.081	140.081
2.3	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	-	-	-	-	-	-
IV	Tổng dư nợ cuối năm	258.473	609.225	1.100.589	1.198.153	994.797	4.161.237
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	15,0	25,1	46,1	46,6	35,7	169
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	-	300.000	700.000	700.000	400.000	2.100.000
	<i>Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đông Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang</i>	-	300.000	700.000	700.000	400.000	2.100.000
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	258.473	309.225	400.589	498.153	594.797	2.061.237
	<i>1- DA năng lượng nông thôn II</i>	153.909	133.144	112.378	91.613	70.848	561.892
	<i>2- DA phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2</i>	80.058	148.431	161.604	153.977	146.350	690.418
	<i>3- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả</i>	13.635	12.907	11.769	10.631	9.493	58.433
	<i>4- Tiểu Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập</i>	7.972	9.739	8.727	7.715	6.703	40.858
	<i>5- Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang</i>	2.899	5.005	7.111	6.217	5.323	26.554
	<i>6- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Giang</i>	-	-	54.000	138.000	216.000	408.000
	<i>7- Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang</i>	-	-	45.000	90.000	140.081	275.081
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	-	-	-	-	-	-
D	Trả nợ lãi, phí	4.045	5.660	25.987	51.995	54.434	142.122
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	-	371	18.494	42.000	42.000	102.865
	<i>Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đông Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang</i>	-	371	18.494	42.000	42.000	102.865
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	4.045	5.289	7.493	9.995	12.434	39.257
	<i>1- DA năng lượng nông thôn II</i>	1.751	1.539	1.335	1.128	920	6.673
	<i>2- DA phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2</i>	1.754	3.121	3.301	3.148	2.996	14.319
	<i>3- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả</i>	290	281	258	235	213	1.277
	<i>4- Tiểu Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập</i>	175	215	195	174	154	913
	<i>5- Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang</i>	75	133	177	180	140	705
	<i>6- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Giang</i>	-	-	1.215	3.105	4.860	9.180
	<i>7- Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang</i>	-	-	1.013	2.025	3.152	6.189

Ghi chú: Dự án năng lượng nông thôn II do ngành điện và các hợp tác xã trả Nợ gốc và lãi, phí.
Dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2 chưa bao gồm Gốc hóa lãi vay (61.389,5 USD).
Tỷ giá áp dụng theo Thông báo số 2617/TB-KBNB Ngày 31/5/2021 của BTC thông báo tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 6 năm 2021 1USD= 23.160 đồng.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 169 /BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 24 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 42/NQHĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang. Kết quả thẩm tra như sau:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang được thực hiện tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh.

Tại điểm a, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ về quy định "Trường hợp mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của địa phương thay đổi hoặc có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh khiến cần đổi ngân sách của địa phương, khả năng huy động các nguồn vốn có đột biến lớn, UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh, báo cáo Thường trực HĐND cho ý kiến; gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho ý kiến trước khi trình HĐND cùng cấp quyết định cùng thời điểm trình dự toán ngân sách năm điều chỉnh kế hoạch".

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 19/NQ-HĐND về việc quyết định chủ trương phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2025, trong đó dự kiến khối lượng phát hành trái phiếu chính quyền tỉnh Bắc Giang năm giai đoạn 2022 - 2025 là 700 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Nghị quyết số 42/NQ-HĐND) không lập kế hoạch phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trong kế hoạch vay và trả nợ ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 05 năm 2021 - 2025.

Mặt khác, tại Công văn số 346/UBND-TH ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc dự kiến nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2021 - 2025 gửi Bộ Tài chính, trong đó có 04 dự án chuyển tiếp đang thực hiện giải ngân vốn

vay lại; 02 dự án đề xuất mới triển khai thực hiện vay lại của Chính phủ¹; giảm 10 dự án vay lại từ nguồn vay Chính phủ vay nước ngoài², 04 dự án tăng mức vay và 01 dự án giảm mức vay so với Nghị quyết số 42/NQ-HĐND³.

Từ căn cứ và thực tế nêu trên, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 42/NQHĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang là cần thiết, đúng thẩm quyền.

2. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng đúng trình tự, thủ tục, thể thức trình bày đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; dự thảo nghị quyết đã được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp tháng 10/2021.

3. Về nội dung

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết sửa đổi khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 42/NQHĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang. Việc điều chỉnh tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 từ 51.609 tỷ đồng lên 70.105 tỷ đồng (tăng 18.496 tỷ đồng) do xây dựng kế hoạch tăng thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2022 - 2025, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương,...; các dự án đề xuất giảm, bổ sung hoặc điều chỉnh mức vay lại nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài vay lại của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh.

¹ Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang sử dụng từ nguồn Trái phiếu chính quyền địa phương; Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang sử dụng từ nguồn vay lại của Chính phủ vay nước ngoài.

² Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng theo hướng quản lý nước hiệu quả phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nông thôn - Dự án KEXIM2; Dự án Cải tạo, nâng cấp hồ chứa, trạm bơm và kênh mương thuộc Hệ thống thủy lợi Cầu Sơn; Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và kênh mương thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cầu; Quản lý tổng hợp rủi ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bắc Giang ADB10; Dự án Đầu tư xây dựng Hồ chứa nước thôn Chả, xã Phong Vân, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Ung bướu và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang; Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho BVĐK tỉnh; Dự án Nâng cao năng lực đào tạo nghề của Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn.

³ Dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2; Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả; Tiêu Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập; Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang; Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Giang.

Dự thảo Nghị quyết được ban hành đúng theo quy định của pháp luật và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, để dự thảo Nghị quyết đầy đủ và hoàn thiện hơn, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị bổ sung vào tờ trình và dự thảo Nghị quyết như sau:

- Về Tờ trình: Đề nghị làm rõ tính khả thi, sự phù hợp với điều kiện thực tế và phân tích rõ cơ cấu nguồn tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh khi điều chỉnh Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang.

- Về dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bổ sung biểu chi tiết cụ thể kèm theo Nghị quyết.

Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 42/NQHĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP. HĐND tỉnh.
- Lưu: VT, CTHĐND_p. Yên.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Vũ Tân Cường





Ký bởi: Bộ Tài chính
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm -
Hà Nội
Thời gian ký: 19/10/2021 16:39:45 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 11945/BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2021

V/v tham gia ý kiến Điều chỉnh Kế
hoạch tài chính - ngân sách nhà nước
05 năm 2021-2025, tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Trả lời Văn bản số 458/UBND-KTTH ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về đề nghị tham gia ý kiến vào phương án Điều chỉnh Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang; Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

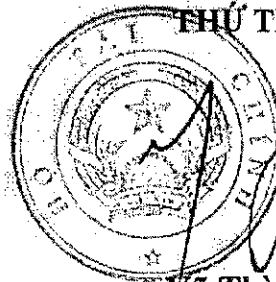
Đề nghị Tỉnh Bắc Giang căn cứ khả năng thực hiện thu, chi ngân sách địa phương; tiến độ thực hiện các dự án vay vốn nước ngoài; kế hoạch vay và trả nợ ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 để rà soát các chỉ tiêu dự kiến điều chỉnh Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm 2021 - 2025 tỉnh Bắc Giang đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Riêng chỉ tiêu mức vay bù đắp bội chi ngân sách địa phương phải đảm bảo theo quy định của Luật NSNN, dự toán ngân sách hằng năm sẽ được tổng hợp vào bội chi ngân sách nhà nước do Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định, trong đó có tỉnh Bắc Giang.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang nghiên cứu, tổng hợp.

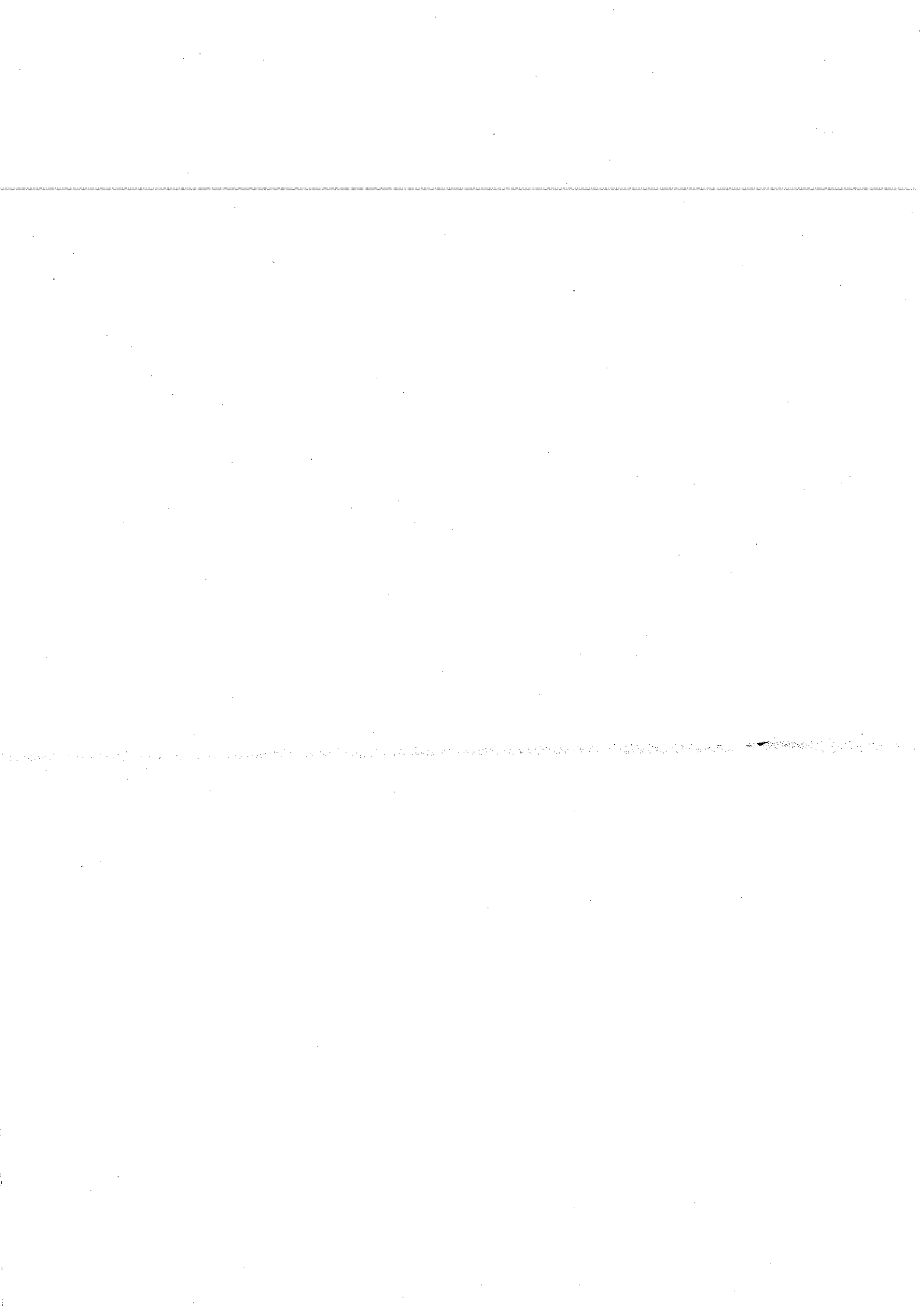
Nơi nhận:

- Như trên;
- STC tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, NSNN (6b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Võ Thành Hưng



SAO Y

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~6850~~ /BKHD-TCTT

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2021

V/v phương án điều chỉnh Kế hoạch
tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm
giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số 458/UBND-KTTH ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang xin ý kiến về phương án điều chỉnh Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của Tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, điều chỉnh kế hoạch vay, trả nợ công, kế hoạch tài chính 05 năm đã được quy định cụ thể tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Quản lý nợ công năm 2017, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh Bắc Giang căn cứ các quy định nêu trên để triển khai thực hiện.

2. Ngày 15/9/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1535/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Theo đó, tỉnh Bắc Giang được giao tổng số vốn là: 25.290,058 tỷ đồng, bao gồm: (i) Vốn ngân sách địa phương là 19.644,7 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư công nguồn NSĐP là 3.504,7 tỷ đồng (*không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương*); (ii) Vốn ngân sách trung ương là 5.645,358 tỷ đồng; (iii) Vốn nước ngoài là 284,7 tỷ đồng. Do vậy, việc điều chỉnh kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tỉnh cần đảm bảo theo đúng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nêu trên.

3. Đối với các chỉ tiêu cụ thể về dự kiến thu, chi ngân sách nhà nước, tăng giảm dự án vay lại, mức vay lại..., đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phối

hợp với Bộ Tài chính để rà soát, đánh giá, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và Kế hoạch tài chính quốc gia và vay trả nợ công 05 năm giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang để nghiên cứu, tổng hợp *lqg*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị: KTĐP, KTĐN, TH;
- Lưu: VT, TCTT _{N2}

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



lqg
Trần Quốc Phương